

Số 38 /GXN-TCMT

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2016

**GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

của Dự án “Khu công nghiệp Vân Trung (các hạng mục đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Vân Trung)” của Công ty TNHH Fugiang

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

Tên chủ dự án: Công ty TNHH Fugiang

Địa chỉ: KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Điện thoại: 0240.3661968

Fax: 0240.3661.967

Tài khoản số: 102010000588144 tại Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh KCN Quế Võ.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 9864786847 - Ngày cấp: 06/12/2007 (cấp thay đổi lần thứ 06 ngày 12/11/2015). Nơi cấp: Ban Quản lý các Khu công nghiệp, tỉnh Bắc Giang.

Quyết định phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường số 427/QĐ-BTNMT ngày 14/3/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án “Khu công nghiệp Vân Trung (các hạng mục đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Vân Trung)” tại KCN Vân Trung, xã Vân Trung, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của chủ dự án:

Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2 và 3 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

Giấy xác nhận này là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:

- Như mục I (02);
- UBND tỉnh Bắc Giang;
- Sở TN&MT tỉnh Bắc Giang;
- BQL các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang;
- VPMC, Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KSMT (02), NTH,09.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tài

PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy xác nhận số: 38 /GXN-TCMT ngày 20 tháng 4 năm 2016
của Tổng cục Môi trường)

1. Công trình xử lý nước thải:

1.1. Công trình thu gom nước mưa, nước thải

- Đã xây dựng đường ống tròn bằng bê tông cốt thép (BTCT) có đường kính 400 mm (chiều dài 1.941 m), 600 mm (chiều dài 2.329 m), 800 mm (chiều dài 4.240 m), 1.000 mm (chiều dài 429 m), 1.200 mm (chiều dài 2.138 m) và 1.500 mm (chiều dài 2.019 m) để thu gom và thoát nước mưa bề mặt của toàn bộ Khu công nghiệp (KCN) Vân Trung sau đó đổ về kênh T6 nằm trong KCN trước khi qua trạm bơm Công Bún đổ ra Sông Thương. Cửa xả nước mưa của KCN được xây dựng bằng gạch, đá và BTCT gồm 14 cửa xả với đường kính 600 mm, 1.000 mm, 1.200 mm và 1.500 mm.
- Đã xây dựng đường ống BTCT có đường kính 400 mm và 600 mm với tổng chiều dài 2.006 m và đường ống nhựa PVC có đường kính 65 mm, 100 mm, 125 mm, 200 mm và 300 mm với tổng chiều dài 5.252 m để thu gom nước thải từ các cơ sở hoạt động trong KCN và khu nhà điều hành về Trạm xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình xử lý nước thải

1.2.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt.

Đã xây dựng 3 bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành, nhà ăn của Công ty với tổng dung tích các bể là 10 m³ để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt sau đó đầu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý.

1.2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung.

- Đã xây dựng một (01) Trạm xử lý nước thải tập trung có công suất thiết kế giai đoạn 1 là 1.250 m³/ngày.đêm với công nghệ xử lý AO kết hợp hóa lý để xử lý lượng nước thải phát sinh trước khi thải ra kênh T6 sau đó chảy ra sông Thương. Theo quy định, nước thải sau xử lý phải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A với K_q=0,9 và K_f=1,0.

Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Bể tách rác, dầu mỡ, lắng cát → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể trộn nhanh → Bể trộn chậm → Bể lắng thứ cấp → Bể trung gian → Bồn lọc cát → Bồn lọc than hoạt tính → Bể lọc nước → Bể khử trùng → Bể chứa nước thải sau xử lý → Kênh T6 → Sông Thương.

- Chế độ vận hành: Liên tục.
- Hóa chất sử dụng gồm: NaOH (hoặc H₂SO₄), NaOCl, Polymer, PAC, than hoạt tính.

2. Công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Đối với rác thải sinh hoạt: Đã trang bị 01 thùng chứa rác thải sinh hoạt dung tích 60 lít có nắp đậy đặt tại khu vực văn phòng, định kỳ chuyển cho đơn vị có chức năng



vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Đối với chất thải rắn thông thường: Đã xây dựng 01 kho lưu giữ chất thải rắn thông thường (bìa carton, giấy vụn, nhựa, kim loại...) cùng kho vật tư có diện tích 23,5 m² và định kỳ chuyển cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.
- Đối với chất thải nguy hại: Đã xây dựng 01 kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 23,5 m²; đã có Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo quy định.

3. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- Đã được Công an tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 43/TD-PCCC ngày 17 tháng 4 năm 2013.
- Đã lắp đặt hệ thống chống sét đề phòng nguy cơ cháy nổ; đã lắp đặt hệ thống thu sét, thu tĩnh điện tích tụ.
- Đã có biện pháp phòng chống và ứng phó sự cố đối với quá trình vận hành Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.
- Đã trồng cây xanh dọc các tuyến đường và một số khu vực khác với diện tích 3,79 ha (đạt 8,36 % tổng diện tích toàn KCN).

4. Chương trình giám sát môi trường của cơ sở:

4.1. Giám sát nước thải công nghiệp:

4.1.1. Quan trắc nước thải tự động liên tục.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, COD, TSS và NH₄⁺.
- Vị trí lắp đặt: Điểm xả nước thải sau xử lý trước khi thải ra kênh T6. Cửa xả nước thải phải được bê tông hóa, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát.
- Hệ thống quan trắc nước thải tự động liên tục phải được xây dựng mương hở để lấy mẫu thiết bị, có lắp đặt camera theo dõi, giám sát, lưu lại hình ảnh và truyền số liệu trực tiếp cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang khi được yêu cầu.
- Thời gian hoàn thành: Trước ngày 01/5/2016.

4.1.2. Giám sát nước thải định kỳ:

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải đầu vào của Trạm xử lý nước thải và 01 mẫu sau xử lý trước khi thải ra kênh T6.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, Nhiệt độ, pH, BOD₅, COD, As, Hg, Pb, Cd, Cr³⁺, Cr⁶⁺, Cu, Ni, Mn, Fe, Zn, TSS, CN⁻, Tổng phenol, Tổng Dầu mỡ khoáng, H₂S, F⁻, NH₄⁺, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Cl⁻, Clo dư, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT, Cột A, K_q = 0,9, K_f = 1,0.

4.2. Chương trình giám sát nước mặt:

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Vị trí giám sát: 04 vị trí (01 điểm thượng nguồn trên kênh T6, 01 điểm xả nước thải

của KCN ra kênh T6, 01 điểm hạ lưu trên kênh T6 cách điểm xả ra kênh T6 500 m và 01 điểm trên kênh T6 trước khi chảy ra sông Thương).

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, pH, BOD, COD, DO, TSS, NH_4^+ , F⁻, Cl⁻, NO_2^- , NO_3^- , PO_4^{3-} , Fe, As, Pb, Cd, Cr^{6+} , Cu, Hg, Tổng dầu mỡ, Tổng hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ, E.Coli, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08:2015/BTNMT cột B1.

(Chương trình giám sát môi trường kèm theo Giấy xác nhận này thay thế nội dung đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt).

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Tổng cục Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số: **38** /GXN-TCMT do Tổng cục Môi trường cấp lần **01** ngày **20** tháng **4** năm 2016”.

6. Yêu cầu khác:

Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.